

ID VIETSOVPETRO  
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 09/11/2017

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		T.UNG	7:25	17	0		19	0	
2		TD2+BK14	7:25	14+7	0+0		13+7	0+0	
3		RP2+RP3	7:25	22+0	0+0		14+8	0+0	
4		JS2+RP1	7:25	22+0	0+0		16+5	0+0	
5		PPD	7:25	22	0		22	0	
6		CTK3+TD1+MRM	9:25	22+0+0	0+0+0		16+1+0	0+0+0	CHUYEN 5 PAX TU TD1-MRM
7		JS2-CTK3	9:25	3+19	0+0		0+22	0+0	
8		BK10+PPD	9:25	7+15	0+0		0+22	0+0	
9		AMD+P8+P4	9:25	17+5+0	0+0+0		13+4+5	0+0+0	
10		AMD+CLO+P10	11:25	17+4+0	0+0+0		11+0+4	0+0+0	
11		BK16+RP2	11:25	15+6	0+0		5+16	0+0	
12		GTCl+RC5	11:25	14+8	0+0		4+10	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : RP2-3DH ĐI VỀ TRONG NGÀY



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/11/2017	TO: BK THIEN UNG	AIRCRAFT: 610	ETD: 07:25
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Thanh - ATUAN	ETA: 10:40
xanh-1A			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VÔ TUẤN MẠNH	BK THIE	57	1	3		66	PVD	Vietnamese
2	HUYNH HIEU NGHIA	BK THIE	55	1	7		77	PVD	Vietnamese
3	NGUYEN DUY TUAN	BK THIE	58	1	5		81	PVD	Vietnamese
4	PHẠM HỒNG SƠN	BK THIE	63	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN BA PHƯƠNG	BK THIE	60	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN QUANG HOA	BK THIE	54	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐẶNG VĂN TRỌNG	BK THIE	48	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
8	KIEU XUAN TAM	BK THIE	64	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐÀO DUY TỰ	BK THIE	49	1	6		58	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN THANH HAI	BK THIE	61-62	2	13		85	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐỖ MINH HỘI	BK THIE	50	1	3		68	PSV	Vietnamese
12	ĐỖ ĐẶNG THANH	BK THIE	59	1	5		63	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN QUANG	BK THIE	53	1	3		65	PSV	Vietnamese
14	PHẠM VĂN NAM	BK THIE	52	1	6		62	PSV	Vietnamese
15	NGUYEN TRỌNG LAN	BK THIE	65	1	6		63	PSV	Vietnamese
16	NGUYEN TRỌNG THĂNG	BK THIE	56	1	3		52	PSV	Vietnamese
17	PHẠM HUNG SƠN	BK THIE	66-67	2	7	59	58	PSV	Vietnamese
18	TRẦN TIÊU LONG	BK THIE	51	1	12	6	87	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK THIEN UNG	18	20	102	1.233	65	19		
	TOTAL	18	20	102	1.233	65	19		
	WEIGHT KG			102	1.233	65			

GRAND TOAL: 1.400 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/11/2017	TO: TD2 - BK14	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Nam - CHIẾN - HIẾU	ETA: 09:10
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN CÔNG HÀ	TD2	21-22	2	16		78	KHOAN	Vietnamese
2	BUI NGOC DUNG	TD2	10	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN THANH ANH	TD2	19	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN THANH TUYEN	TD2	11	1	3		74	KHOAN	Vietnamese
5	LE VAN NGHIA	TD2	09	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
6	LE ANH QUAN	TD2	20	1	3	80	78	KHOAN	Vietnamese
7	NGO VAN HUY	TD2	23	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
8	PHAM THANH GIANG	TD2	17	1	3		73	KHOAN	Vietnamese
9	MAI VAN HOANG	TD2	12	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN QUANG TIEN	TD2	13	1	7		76	KHOAN	Vietnamese
11	VU MINH HAI	TD2	14	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
12	DUONG QUOC VIET	TD2	15-16	2	8		85	KHOAN	Vietnamese
13	LUONG NGOC HOANG	TD2	18	1	7		72	DVL	Vietnamese
14	TRẦN ĐOÀN ĐOÀN	BK14	55	1	14		62	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYEN VAN HAI	BK14	59	1	12		62	XAYLAP	Vietnamese
16	LE QUANG HUNG	BK14	56	1	10		75	XAYLAP	Vietnamese
17	HOANG VAN NGOC	BK14	60	1	15		63	XAYLAP	Vietnamese
18	TRẦN VĂN DUNG	BK14	61-62	2	14		72	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYEN NGOC DANH	BK14	57-58	2	17	30	60	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYEN TUAN NGOC	BK14	54	1	14		60	XAYLAP	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	13	15	75	956	80	13		
2	BK14	7	9	96	454	30	7		
<b>TOTAL</b>		<b>20</b>	<b>24</b>	<b>171</b>	<b>1.410</b>	<b>110</b>	<b>20</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>171</b>	<b>1.410</b>	<b>110</b>			

GRAND TOAL: 1.691 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 09-Nov-17	TO: RP2 - RP3	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:35
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: Hoi - MTHAO - NNam	ETA: 09:15
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ HỒNG ĐẠI	RP2	94	1	4	40	72	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYEN CANH TAN	RP2	93	1	2		72	D-HANH	Vietnamese
3	NGUYEN TIEN DUNG	RP2	92	1	3		61	D-HANH	Vietnamese
4	DAVUDOV D.S	RP2	78	1	7		64	KHOAN	Russian
5	TIKHONOV E.A	RP2	79	1	6		105	KHOAN	Russian
6	TARGANOV	RP2	87	1	8		91	ANTOAN	Russian
7	VŨ TRỌNG HẠCH	RP2	90	1	7	17	73	KHOAN	Vietnamese
8	ĐÀO DANH THANH	RP2	76	1	3		68	KHOAN	Vietnamese
9	VŨ CAO BĂNG	RP2	74	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
10	ĐÀU CAO KHANG	RP2	72	1	4		54	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN QUANG HAO	RP2	77	1	3		83	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN ĐỨC THỊNH	RP2	95	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN DUY LINH	RP2	97	1	10		90	KHOAN	Vietnamese
14	VŨ TIEN DUNG	RP2	73	1	4		60	KHOAN	Vietnamese
15	TRỊNH CAO TRỌNG	RP2	81	1	3		69	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN TRỌNG DUNG	RP2					81	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN THIEN TUAN	RP2	75	1	4		66	KHOAN	Vietnamese
18	PHAM VAN SON	RP2	88	1	6		54	KHOAN	Vietnamese
19	LÊ DUY TÂN	RP2	80	1	10		65	KHOAN	Vietnamese
20	LÊ TRUNG SƠN	RP2	89	1	12		72	KHOAN	Vietnamese
21	PHAM TIEN VINH	RP2	96	1	9		85	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYEN VIỆT ANH	RP2	91	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	22	21	122	1.610	57	14		
2	RP3	0	0	0	0	0	8		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>21</b>	<b>122</b>	<b>1.610</b>	<b>57</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>122</b>	<b>1.610</b>	<b>57</b>			

GRAND TOAL: 1.789 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 09-Nov-17	TO: PPD	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:50
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: Vận - TRƯỜNG - Luy - Vũ	ETA: 09:30
TRANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN THANH	PPD	61	1	4	70	55	KHI	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN HAI	PPD	80-81	2	16	82	64	KHI	Vietnamese
3	LE NGỌC TUÂN	PPD	54	1	10		79	XAYLAP	Vietnamese
4	HOANG VAN DUNG	PPD	56-57	2	15		64	XAYLAP	Vietnamese
5	VÔ TIEN PHAT	PPD	62-63	2	20		65	XAYLAP	Vietnamese
6	HOANG VAN LAM	PPD	66-67	2	17		79	XAYLAP	Vietnamese
7	ĐOÀN NGỌC THƯƠNG	PPD	55	1	15		74	KH-THAC	Vietnamese
8	PHUNG PHU SUA	PPD	58	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAN HOAI BAO	PPD	65	1	3		77	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ CHI KIEN	PPD					76	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐÀO MẠNH HUY	PPD	69	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
12	BUI NGOC DUNG	PPD	70	1	9		58	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN GIANG	PPD	68	1	2		54	KH-THAC	Vietnamese
14	HOANG NGOC TRUONG	PPD	60	1	3		77	KH-THAC	Vietnamese
15	TRINH DUY NAM	PPD	73	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
16	DƯƠNG ĐẠI THẮNG	PPD	75	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM NGỌC ANH	PPD	59	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN VĂN TÂN	PPD	74	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	PPD					65	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM VĂN DỤC	PPD	64	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN TRỌNG CƯỜNG	PPD	72	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
22	TRƯỜNG TRI DUNG	PPD	71	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	22	24	159	1.505	152	22		
	TOTAL	22	24	159	1.505	152	22		
	WEIGHT KG			159	1.505	152			

GRAND TOAL: 1.816 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/11/2017	TO: JS2 - RP1	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:40
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: LBinh - TTrung - DKHANH	ETA: 09:20
NAU-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN NGOC LE	JS2	39	1	15		72	KHOAN	Vietnamese
2	MICHAEL PATRICK	JS2	51	1	12		90	KHOAN	Indian
3	PT SHIBU	JS2	43-44	2	17		80	KHOAN	Indian
4	SAIKIA SHAKTIKAM	JS2	59-60	2	17		120	KHOAN	Indian
5	GALVIN NOEL GOMES	JS2	41-42	2	17		90	KHOAN	Indian
6	NGUYEN VAN TRONG	JS2	50	1	7		64	KHOAN	Vietnamese
7	PHAN TAN KHANG	JS2	49	1	5	95	78	KHOAN	Vietnamese
8	PHAM MINH NGOC	JS2	56	1	7		67	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN MANH HUNG	JS2	48	1	8		74	KHOAN	Vietnamese
10	HOANG QUOC VIET	JS2	63	1	6		78	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN VAN PHUC	JS2	<del>46-46</del>	<del>2</del>	10		64	KHOAN	Vietnamese
12	BUI ANH DUC	JS2	47	1	15		65	KHOAN	Vietnamese
13	PHAM HUU BA	JS2	53	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
14	LUONG MANH THUONG	JS2	62	1	10		62	KHOAN	Vietnamese
15	CHU VAN HIEU	JS2	54	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
16	HUA QUANG TAM	JS2	40	1	7		64	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN THAI HOP	JS2	55	1	10		65	KHOAN	Vietnamese
18	PHAN DINH GIAP	JS2	57	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN VAN THANH	JS2	58	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
20	DAO THANH HIEU	JS2	61	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYEN DINH HUNG	JS2	38	1	15		56	KHOAN	Vietnamese
22	DAO HAI TUNG	JS2	52	1	5		70	KHOAN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	JS2	22	26	218	1.641	95	16		
2	RP1	0	0	0	0	0	6		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>26</b>	<b>218</b>	<b>1.641</b>	<b>95</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>218</b>	<b>1.641</b>	<b>95</b>			

GRAND TOAL: 1.954 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/11/2017	TO: CTK3 - TD1 - MRM	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:30
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: Nam - CHIẾN - HIẾU	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ĐÌNH TRỌNG	CTK3	592	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN TUẤN ANH	CTK3	68	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
3	BOGDANOV	CTK3	94	1	5		80	KH-THAC	Russian
4	LÊ ĐỨC TÂN	CTK3	596	1	3	40	82	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN ANH TUẤN	CTK3	593	1	8		85	KH-THAC	Vietnamese
6	TRỊNH QUỐC HUY	CTK3	597	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN HIẾN	CTK3					75	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN SAU	CTK3	595	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐÌNH QUYẾT	CTK3	92	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM VĂN DŨ	CTK3	591	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN NGỌC TƯƠNG	CTK3	98	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
12	TSVETKOV	CTK3	93	1	8		102	KH-THAC	Russian
13	NGUYỄN TRỌNG LINH	CTK3	99	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN BA HUỆ	CTK3	300	1	2		75	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ THANH CHUNG	CTK3					80	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN XUÂN HÈ	CTK3	95	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM ĐỨC BÌNH	CTK3	594	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN QUỐC KHIÊM	CTK3	97	1	7		90	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐÌNH NHỎ HOANG	CTK3	96	1	5		83	KH-THAC	Vietnamese
20	VŨ ĐÌNH HUY	CTK3	598	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
21	NGÔ HỮU HUY TU	CTK3					70	KH-THAC	Vietnamese
22	DANG THANH HOANG*	CTK3	21	1	5		70	SBAY	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	22	19	108	1.624	40	16		CHUYEN 5 PAX TU TD1 SANG MRM
2	TD1	0	0	0	0	0	1 + 5		
3	MRM	0	0	0	0	0	0		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>19</b>	<b>108</b>	<b>1.624</b>	<b>40</b>	<b>17</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>108</b>	<b>1.624</b>	<b>40</b>			

GRAND TOAL: 1.767 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/11/2017	TO: JS2 - CTK3	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:35
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: Hôi - MTHAO - NNam	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LE ANH TUAN	JS2	45	1	8		76	KHOAN	Vietnamese
2	DANG KHAC DUONG	JS2	42-43	2	15		79	KHOAN	Vietnamese
3	LE TRAN HUNG	JS2	44	1	9		69	KHOAN	Vietnamese
4	PHAN ANH ĐÔNG	CTK3	08-09	2	6		79	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN QUOC THAI	CTK3	07	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
6	LE QUANG THANG	CTK3	17	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN MANH HUNG	CTK3					75	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐỖ VĂN BÌNH	CTK3					78	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN MUOI	CTK3	12	1	5		79	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐỖ HỮU ĐỨC	CTK3	01	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN NHAN KHANH	CTK3	11	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN MINH KHÔI	CTK3	10	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN PHUC PHUONG	CTK3	13	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN SON HA	CTK3	03	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAM QUOC CUONG	CTK3					80	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN THANH TUNG	CTK3	16	1	14		68	CODIEN	Vietnamese
17	ĐẶNG CÔNG DANH	CTK3	15	1	10	55	82	CODIEN	Vietnamese
18	NGUYEN VAN THANH	CTK3	02	1	7		67	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYEN KHAC THANH	CTK3	04	1	9		65	XAYLAP	Vietnamese
20	LA TUAN LINH	CTK3	05	1	10		68	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYEN VIET LỘC	CTK3	06	1	14		59	XAYLAP	Vietnamese
22	CAO KINH THAO	CTK3	14	1	15		70	T-TIN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	JS2	3	4	32	224	0	0		
2	CTK3	19	17	123	1.370	55	22		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>21</b>	<b>155</b>	<b>1.594</b>	<b>55</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>155</b>	<b>1.594</b>	<b>55</b>			

GRAND TOAL: 1.804 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/11/2017	TO: BK10 - PPD	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:40
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: LBinh - TTrung - DKHÁNH	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ BA THUẬN	BK10	02	1	13		67	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐINH VĂN TÂM	BK10	07	1	10		63	KH-THAC	Vietnamese
3	VŨ ĐÌNH QUANG	BK10	04	1	10		71	DVL	Vietnamese
4	VŨ CHÍ THANH	BK10	08	1	10		76	DVL	Vietnamese
5	VŨ HOANG TÂN	BK10	05-06	2	15		88	DVL	Vietnamese
6	ĐINH VĂN ĐÔNG	BK10	03	1	10		60	DVL	Vietnamese
7	TRẦN VĂN THỤ	BK10	01	1	15	50	52	DVL	Vietnamese
8	LUƠNG VĂN TĂNG	PPD	54	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN MẠNH CHIẾN	PPD	57	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐINH VĂN HAI	PPD	93	1	9		51	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN HA	PPD	91	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
12	BUI TRẦN VIỆT	PPD	62	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	PPD	92	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
14	HOANG ĐÌNH VINH	PPD	48-49	2	15		67	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN NAM	PPD	44	1	6	14	62	XAYLAP	Vietnamese
16	PHẠM NGỌC HOA	PPD	50-51	2	13	35	66	XAYLAP	Vietnamese
17	HOANG VĂN THẮNG	PPD	52-53	2	10		65	XAYLAP	Vietnamese
18	TRẦN VĂN VINH	PPD	46-47	2	10		73	XAYLAP	Vietnamese
19	VŨ MẠNH THẮNG	PPD	55-56	2	17		63	XAYLAP	Vietnamese
20	PHAN VĂN HUYỀN	PPD	60	1	7		82	XAYLAP	Vietnamese
21	ĐINH QUANG DŨNG	PPD	58	1	7	15	63	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYỄN DUY HẢO	PPD	61	1	7		65	XAYLAP	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK10	7	8	83	477	50	0		
2	PPD	15	20	122	973	64	22		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>28</b>	<b>205</b>	<b>1.450</b>	<b>114</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>205</b>	<b>1.450</b>	<b>114</b>			

GRAND TOAL: 1.769 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/11/2017	TO: AMD - P8 - P4	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: Văn - TRƯỜNG - Luy - Vũ	ETA: 11:30
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN HAI	AMD	49	1	11	55	62	KH-THAC	Vietnamese
2	NGO SY DUC	AMD	51	1	10		77	KH-THAC	Vietnamese
3	TRINH BICH NGOC	AMD	42-43	2	12		66	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM VAN TUAN	AMD	48	1	4		80	D-SONG	Vietnamese
5	LE THANH HAI	AMD	50	1	6		94	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN XUAN PHUONG	AMD	41,44	2	16		62	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAM NGOC TUAN	AMD	54	1	2		57	KH-THAC	Vietnamese
8	DUONG CONG TAN	AMD	47	1	8		69	KH-THAC	Vietnamese
9	LE VIET THANG	AMD	52	1	10		69	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐANG MINH ĐỨC (PVDT)	AMD	38-39	2	15		71	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VAN NHA	AMD	46	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
12	TANG XUAN HAI (PVDT)	AMD	45	1	4		55	KH-THAC	Vietnamese
13	MAI NGOC THIET	AMD	55	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VAN VIET	AMD	40	1	10		79	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN MANH HA	AMD	53	1	12		56	KH-THAC	Vietnamese
16	TRAN ĐỨC HUY	AMD	56-57	2	8		108	KH-THAC	Vietnamese
17	DO XUAN LOI	AMD	48	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐAM VAN QUANG	P8	45-46	2	13		65	XAYLAP	Vietnamese
19	PHAM NGOC TIEM	P8	42	1	15		70	XAYLAP	Vietnamese
20	LE HUY DUAN	P8	43	1	12		61	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYEN ĐỨC TOAN	P8	41	1	10		63	XAYLAP	Vietnamese
22	PHAM VAN VUI	P8	44	1	13		61	XAYLAP	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	17	21	145	1.192	55	13		
2	P8	5	6	63	320	0	4		
3	P4	0	0	0	0	0	5		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>27</b>	<b>208</b>	<b>1.512</b>	<b>55</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>208</b>	<b>1.512</b>	<b>55</b>			

GRAND TOTAL: 1.775 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 09-Nov-17	TO: AMD - CLO - P10	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:30
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: Nam - TUYỀN - HIẾU	ETA: 13:10
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI VAN TUAN	AMD	12	1	10	20	73	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN XUAN DUNG	AMD	22-23	2	20		81	KH-THAC	Vietnamese
3	DUONG VAN TUYEN	AMD	94	1	10		71	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐÀO QUANG DUNG	AMD	93	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM TUAN ANH	AMD	92	1	9		75	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN THANH QUANG	AMD	19	1	9		73	KH-THAC	Vietnamese
7	VU DINH HOP	AMD	90-91	2	13		79	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN THANH CUONG	AMD	24-25	2	12		76	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN TRUONG	AMD	17	1	5		71	PSV	Vietnamese
10	NGUYEN XUAN PHONG	AMD	13	1	6		65	PSV	Vietnamese
11	LOLAND HELGE	AMD	20	1	12		88	KH-THAC	Norway
12	ĐỖ ĐỨC CHÍ	AMD	21	1	6		60	PSV	Vietnamese
13	TRẦN QUỐC THẮNG	AMD	16	1	6		89	PSV	Vietnamese
14	LÊ ĐẶC ĐÔNG	AMD	14	1	6		55	PSV	Vietnamese
15	KIEU VAN TUAN	AMD	15	1	5		73	PSV	Vietnamese
16	TRẦN NGỌC BÌNH	AMD	11	1	5		62	PSV	Vietnamese
17	VŨ THANH TUYẾN	AMD	18	1	8		76	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN CHI LINH	CLO	62	1	12		81	DVL	Vietnamese
19	MAI VAN DUONG	CLO	63	1	14		79	DVL	Vietnamese
20	NGUYEN HAI ĐĂNG	CLO	65	1	10		82	DVL	Vietnamese
21	HOANG MINH DUNG	CLO	64	1	10	101	85	DVL	Vietnamese
22	NGUYEN VAN TUAN	P10	44	1	4		56	H-DONG	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	17	20	147	1.231	20	11		
2	CLO	4	4	46	327	101	1		
3	P10	1	1	4	56	0	4		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>25</b>	<b>197</b>	<b>1.614</b>	<b>121</b>	<b>16</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>197</b>	<b>1.614</b>	<b>121</b>			

GRAND TOTAL: 1.932 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/11/2017	TO: BK16 - RP2	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:35
FLIGHT: 11	FROM: VT	CREW: Hôi - Linh - N Nam	ETA: 13:15
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KURPASOV V.	BK16	93	1	7		72	KH-THAC	Russian
2	TRƯỜNG QUYẾT THẮNG	BK16	55	1	12	40	75	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI XUAN TRUONG	BK16	82	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
4	LAI ANH TUAN	BK16	89	1	10	36	102	KH-THAC	Vietnamese
5	VU VAN TIEN	BK16	87	1	2		60	KH-THAC	Vietnamese
6	TRAN VAN HUNG	BK16	84	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
7	LE MINH THANG	BK16	59	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN MINH DIEN	BK16	83	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
9	TRAN TUAN ANH	BK16	86	1	7		63	XAYLAP	Vietnamese
10	HOANG ĐUC TUAN	BK16	88	1	10		62	XAYLAP	Vietnamese
11	TRUONG TAN LOI	BK16	91-92	2	12		84	XAYLAP	Vietnamese
12	DUONG QUANG TRUNG	BK16	90	1	6		97	XAYLAP	Vietnamese
13	LE VAN QUANG	BK16	94	1	6	53	70	XAYLAP	Vietnamese
14	PHAN XUAN HOA	BK16	85	1	6		70	PSV	Vietnamese
15	NGUYEN MAI CUONG	BK16					61	PSV	Vietnamese
16	TRAN THUC KHAI	RP2	86	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
17	TRUONG MINH KHANH	RP2	91	1	10	55	68	DVL	Vietnamese
18	LE VAN BAO	RP2	90	1	11		61	DVL	Vietnamese
19	NGUYEN VAN LINH	RP2	89	1	11		78	DVL	Vietnamese
20	BUI QUANG CONG	RP2	87	1	15		74	XAYLAP	Vietnamese
21	DOAN DINH DUNG	RP2	88	1	12		64	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYEN VAN HAI	RP2	85	1	5		82	H-DONG	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK16	15	15	97	1.099	129	5		
2	RP2	7	7	69	487	55	16		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>22</b>	<b>166</b>	<b>1.586</b>	<b>184</b>	<b>21</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>166</b>	<b>1.586</b>	<b>184</b>			

GRAND TOTAL: 1.936 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/11/2017	TO: GTC1 - RC5	AIRCRAFT: 410	ETD: 11:40
FLIGHT: 12	FROM: VT	CREW: HUNG - LBình - DKHÁNH	ETA: 13:20
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN ĐỨC	GTC1	84	1	11		76	KH-THAC	Vietnamese
2	LE VĂN NGHI	GTC1	72	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAM HỒNG PHONG	GTC1	73	1	11	64	60	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN QUỐC HÙNG	GTC1	85	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
5	SOKOLIUK C.M	GTC1	74	1	8		80	KH-THAC	Russian
6	NGUYỄN HỮU TÂN	GTC1	75	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ TRUNG KIẾN	GTC1	77	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN BÁC	GTC1	86	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
9	LE CANH HUNG	GTC1	81	1	8		60	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN XUÂN THANH	GTC1	79	1	9		60	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN ĐAN QUÊ	GTC1	80	1	14		70	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ HỮU HÀ	GTC1	82-83	2	9		63	KH-THAC	Vietnamese
13	NGÔ TRUNG LUYẾN	GTC1	76	1	5		74	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐĂNG NAM	GTC1	78	1	5		70	PSV	Vietnamese
15	ĐẶNG TRỌNG BAI	RC5	02	1	9	80	72	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐỖ VĂN TRƯỜNG	RC5	07	1	9	24	65	KH-THAC	Vietnamese
17	THAI QUỐC CƯỜNG	RC5	03	1	8		50	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN QUỐC TRI	RC5	01	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
19	DZUCK IU.	RC5	04	1	14		105	KH-THAC	Russian
20	VŨ MINH ĐỨC	RC5	08	1	11		70	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN TIẾN QUÝ	RC5	05	1	11		78	KH-THAC	Vietnamese
22	VŨ VIỆT HUÂN	RC5	06	1	9		65	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	GTC1	14	15	111	969	64	4		
2	RC5	8	8	80	575	104	10		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>23</b>	<b>191</b>	<b>1.544</b>	<b>168</b>	<b>14</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>191</b>	<b>1.544</b>	<b>168</b>			

GRAND TOAL: 1.903 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO  
TRƯỞNG BAN ĐDTT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 10/11/2017**

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi				Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng		
1	426	TD5+P6	7:25	22+0	0+0		20+2	0+0		
2	426	TD3+TD2	9:25	22+0	0+0		19+3	0+0		

TTBDSX

Ghi Chú : 1 NGƯỜI TD5+1 NGƯỜI BK3 VỀ BỜ QUA TD3



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 10-Nov-17	TO: TD5 - P6	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - MTuấn - PTUẤN	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DENIS RUBAILO	TD5	18	1	6		100	KHOAN	Russian
2	FOK S.I	TD5	93	1	6		125	KHOAN	Russian
3	DUONG THANH TUNG	TD5	90	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
4	ALEKSANDROV A.A	TD5	91	1	7		85	KHOAN	Russian
5	GONCHAROV S.A	TD5	19	1	8	70	103	KHOAN	Russian
6	PHAM VAN BINH	TD5	99	1	12		78	KHOAN	Vietnamese
7	LE ANH MINH	TD5	97	1	2		70	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN ANH TUAN	TD5	98	1	2		70	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN TAN VINH	TD5	90-91	2	17		80	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN XUAN THANH	TD5	95	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN VAN LIEN	TD5	17	1	5		70	ANTOAN	Vietnamese
12	LE ANH NGUYEN	TD5	92	1	3		58	KHOAN	Vietnamese
13	TRAN VAN LEN	TD5	92	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN VAN HIEN	TD5	96	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
15	PHAM VAN LUAN	TD5	88	1	12		60	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN HOANG SON	TD5	89	1	5		70	DVL	Vietnamese
17	TRAN VAN DUNG	TD5	25	1	8		70	DVL	Vietnamese
18	TRAN MANH VUONG	TD5	93-94	2	17		72	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYEN DUY DUONG	TD5	87	1	12		70	XAYLAP	Vietnamese
20	HOANG ANH THAN	TD5	85-86	2	17		75	XAYLAP	Vietnamese
21	TRAN MINH DUY	TD5	95	1	10		70	NHATHAU	Vietnamese
22	VO ĐUC HUY	TD5	96	1	7		73	NHATHAU	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	22	25	175	1.667	70	20		
2	P6	0	0	0	0	45	2		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>25</b>	<b>175</b>	<b>1.667</b>	<b>115</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>175</b>	<b>1.667</b>	<b>115</b>			

GRAND TOAL: 1.957 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/11/2017	TO: TD3 - TD2	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:30
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - MTuấn - PTUẤN	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	AFANASHEV LIU	TD3	88	1	12	20	91	KHOAN	Russian
2	LÊ ANH XUÂN	TD3					70	KHOAN	Vietnamese
3	PHAN HAI NAM	TD3					67	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN MINH HIEN	TD3	91	1	2		77	KHOAN	Vietnamese
5	BUI HUU VUNG	TD3	900	1	6		85	KHOAN	Vietnamese
6	ĐOAN QUANG BAC	TD3	99	1	4		71	KHOAN	Vietnamese
7	NGO VAN KIEM	TD3	77	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
8	LUU VAN SON	TD3	98	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
9	CHU VAN THANG	TD3	93	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
10	PHAM HAI ĐANG	TD3	76	1	4		80	KHOAN	Vietnamese
11	LUU VAN PHONG	TD3	78	1	3		72	KHOAN	Vietnamese
12	ĐOAN VAN HUNG	TD3	87	1	4		66	ANTOAN	Vietnamese
13	HOANG VINH PHU	TD3	72	1	10		75	ANTOAN	Vietnamese
14	NGUYEN QUOC ANH	TD3	94	1	5		66	ANTOAN	Vietnamese
15	NGUYEN HUU VIET	TD3	95	1	7		72	ANTOAN	Vietnamese
16	NGUYEN THANH VUONG	TD3	75	1	5		100	ANTOAN	Vietnamese
17	TRAN DUY THONG	TD3	97	1	4		80	ANTOAN	Vietnamese
18	LÊ DUY AN	TD3	73-74	2	20		118	ANTOAN	Vietnamese
19	ISKANDEROV	TD3	71	1	9		69	ANTOAN	Russian
20	VŨ THANH TAM	TD3	86	1	5		75	ANTOAN	Vietnamese
21	YATSENKO	TD3	92	1	5		99	ANTOAN	Russian
22	TRẦN ĐỨC THUẬN	TD3	96	1	10		74	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	22	21	131	1.704	20	19		CHUYEN 1 PAX TU TD3 SANG TD2
2	TD2	0	0	0	0	60	3		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>21</b>	<b>131</b>	<b>1.704</b>	<b>80</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>131</b>	<b>1.704</b>	<b>80</b>			

GRAND TOAL: 1.915 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



LD VIETSOVPETRO  
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 11/11/2017**

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1	846	TD1+PPD+TD3	7:25	21+0+0	0+0+0		19+2+0	0+0+0	CHUYEN 1 PAX TU PPD-TD3
2	406	RP1+CLO+BK4	7:25	11+11+0	0+0+0		1+14+6	0+0+0	
3	846	PVD2+CLO+P8	9:25	17+5+0	0+0+0		9+7+2	0+0+0	

TTBDSX



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 11-Nov-17	TO: TD1 - PPD - TD3	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Hoi - MMinh - THU	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐO QUANG LUC	TD1	68	1	5		58	KHOAN	Vietnamese
2	HA MINH TUAN	TD1	62-63	2	14		65	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN PHI HUNG	TD1	58	1	5		86	KHOAN	Vietnamese
4	TRAN MANH HUNG	TD1	48	1	3		68	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN TUONG TU	TD1	51	1	10		71	KHOAN	Vietnamese
6	LAI ĐUC LAM	TD1	49	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
7	TRAN NGOC THAI	TD1	57	1	3		79	KHOAN	Vietnamese
8	NGO XUAN THUONG	TD1	59	1	5		77	KHOAN	Vietnamese
9	TRINH HUU NGHIA	TD1	53	1	4		74	KHOAN	Vietnamese
10	PHAM TAT LUC	TD1	56	1	5		81	KHOAN	Vietnamese
11	LE VIET THANH	TD1	54	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
12	LE XUAN THINH	TD1	61	1	11		76	KHOAN	Vietnamese
13	LE VAN LOC	TD1	60	1	12		83	KHOAN	Vietnamese
14	LE HAI NGAN	TD1	55	1	8		57	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN QUANG SUNG	TD1	52	1	3		69	ANTOAN	Vietnamese
16	VU VAN NAM	TD1	64	1	10		65	DVL	Vietnamese
17	NGUYEN VAN NAM	TD1	67	1	12		75	DVL	Vietnamese
18	TRUONG QUOC THANG	TD1	66	1	14		84	DVL	Vietnamese
19	NGUYEN BA HUYNH	TD1	50	1	5		67	DVL	Vietnamese
20	NGO THANH SON	TD1	65	1	10		68	DVL	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	20	21	149	1.438	0	19		CHUYEN 01 PAX TU PPD SANG TD3
2	PPD	0	0	0	0	60	2 + 1		
3	TD3	0	0	0	0	0	0		
<b>TOTAL</b>		<b>20</b>	<b>21</b>	<b>149</b>	<b>1.438</b>	<b>60</b>	<b>21</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>149</b>	<b>1.438</b>	<b>60</b>			

GRAND TOTAL: 1.647 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/11/2017	TO: RPI - CLO - BK4	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Hạnh - Linh - PTUẤN	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGO DUY TIẾP	RPI	13	1	12		67	XAYLAP	Vietnamese
2	CU CHI CÔNG	RPI	21	1	8		64	XAYLAP	Vietnamese
3	THAN VAN KIEN	RPI	15	1	11		65	XAYLAP	Vietnamese
4	CHU VAN HANH	RPI	18	1	11		75	XAYLAP	Vietnamese
5	LE KHAC PHUONG	RPI	14	1	5	12	63	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYEN LE	RPI	16-17	2	11		65	XAYLAP	Vietnamese
7	BUI XUAN NGOC	RPI	19-20	2	11		67	XAYLAP	Vietnamese
8	ANDRIUSHENKO O.A	CLO	74	1	2		100	KHOAN	Russian
9	LE VAN PHU	CLO	77-78	2	11		75	YTE	Vietnamese
10	NGUYEN VAN LOI	CLO	82	1	5		69	KHOAN	Vietnamese
11	TO ANH TUAN	CLO	71	1	11		72	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN XUAN THANH	CLO	73	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN HUY HUNG	CLO	75	1	5		87	KHOAN	Vietnamese
14	LE VAN TUAN	CLO	72	1	3		66	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN CHI NGHIẾP	CLO	79	1	4		78	KHOAN	Vietnamese
16	TRAN VAN KHANG	CLO	76	1	2		69	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN VAN PHON	CLO	81	1	3		67	KHOAN	Vietnamese
18	DO TRUONG GIANG	CLO	80	1	8		77	KHOAN	Vietnamese
19	VU NGOC TU	CLO	83	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
20	TRAN MANH THUONG	CLO	84	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN GIA CUONG	CLO	85-86	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
22	VO TRONG NHIEAN	CLO	87-88	2	10		59	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RPI	7	9	69	466	12	1		
2	CLO	15	18	96	1.096	0	14		
3	BK4	0	0	0	0	0	6		
TOTAL		22	27	165	1.562	12	21		
WEIGHT KG				165	1.562	12			

GRAND TOAL: 1.739 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/11/2017	TO: PVD2 - CLO - P8	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:30
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: Hoi - MMinh - THU	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN THANH HAI	PVD2	91	1	16		77	KH-THAC	Vietnamese
2	BUI VAN ANH	PVD2	92	1	12		79	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐẶNG ĐỨC HÀ	PVD2	93	1	12		66	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN TIEN DUNG	PVD2	94	1	10		93	KH-THAC	Vietnamese
5	VU VAN GIANG	PVD2	97	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN VAN CUONG	PVD2	98	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAM TUNG VY	PVD2	84	1	10		65	DVL	Vietnamese
8	LUONG MANH HAI	PVD2	89	1	13		77	DVL	Vietnamese
9	NGUYEN NGOC NINH	PVD2	90	1	10		71	DVL	Vietnamese
10	PHAM QUANG TRUNG	PVD2	88	1	12		82	DVL	Vietnamese
11	LY NHAT TRUONG	PVD2	85	1	14		74	DVL	Vietnamese
12	TRAN QUOC HUONG	PVD2	83	1	10		100	DVL	Vietnamese
13	TONG TIEN QUANG	PVD2	86	1	10		75	DVL	Vietnamese
14	OLEG DOBROVOLSKI	PVD2	87	1	15		85	DVL	Vietnamese
15	PHAM VAN Y	PVD2	99	1	10	71	77	DVL	Vietnamese
16	ĐỖ TRỌNG ĐỨC	PVD2	96	1	3	10	67	DVL	Vietnamese
17	HAN DAI HAO	PVD2	95	1	16		78	DVL	Vietnamese
18	NGUYEN VAN VINH	CLO	89	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
19	ĐẶNG DUY LY	CLO	91	1	2		62	KHOAN	Vietnamese
20	HOANG VAN SANG	CLO	90	1	2		55	KHOAN	Vietnamese
21	BUI XUAN DUY	CLO	93	1	14		67	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYEN HONG PHUOC	CLO	92	1	6		70	ANTOAN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	17	17	190	1.321	81	9		
2	CLO	5	5	30	324	0	7		
3	P8	0	0	0	0	0	2		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>22</b>	<b>220</b>	<b>1.645</b>	<b>71</b>	<b>18</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>220</b>	<b>1.645</b>	<b>81</b>			

GRAND TOAL: 1.946 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO  
TRƯỜNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 12/11/2017**

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi				Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng		
1		TD2+PPD-RP1	7:25	19+3	0+0		15+4+0	0+0		

TTBDSX



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 12-Nov-17	TO: TD2 - PPD - RP1	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - KHOÀN - HIẾU	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU MANH THANG	TD2	70	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN VAN PHONG	TD2					65	KHOAN	Vietnamese
3	ĐO NGOC QUANG	TD2					63	KHOAN	Vietnamese
4	TRAN CONG HIEN	TD2	67	1	3		73	KHOAN	Vietnamese
5	LE XUAN PHUONG	TD2	68	1	5		69	KHOAN	Vietnamese
6	LE VAN XUAN	TD2	71	1	6		83	KHOAN	Vietnamese
7	ĐINH NGOC GIANG	TD2	75	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
8	DUONG HAI BANG	TD2	76	1	10	17	87	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN QUOC KHANH	TD2	65	1	3		76	KHOAN	Vietnamese
10	HOANG XUAN HUY	TD2	74	1	2		60	KHOAN	Vietnamese
11	TRAN VAN BINH	TD2	63	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
12	LE HUNG CUONG	TD2	64	1	3		63	KHOAN	Vietnamese
13	LE NGUYEN	TD2	69	1	2		69	KHOAN	Vietnamese
14	LE TRUONG LAM	TD2	66	1	4		72	KHOAN	Vietnamese
15	LE HOAI THIEN	TD2	62	1	12		76	DVL	Vietnamese
16	VUONG KIEN QUOC	TD2	60	1	5		63	DVL	Vietnamese
17	ĐOAN VAN LAN	TD2	61	1	3		69	GETRACO	Vietnamese
18	ĐANG QUOC KHANH	TD2	72	1	5		65	GETRACO	Vietnamese
19	VU MANH THANG	TD2	73	1	3		73	GETRACO	Vietnamese
20	NGUYEN ĐAI HAI	RP1	24-25	2	14		72	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYEN TAN NHAN	RP1	26	1	3		83	XAYLAP	Vietnamese
22	THIEU VAN LONG	RP1	23	1	11		71	XAYLAP	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	19	17	84	1.343	17	15		
2	PPD	0	0	0	0	0	4		
3	RP1	3	4	28	226	0	0		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>21</b>	<b>112</b>	<b>1.569</b>	<b>17</b>	<b>19</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>112</b>	<b>1.569</b>	<b>17</b>			

GRAND TOAL: 1.698 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN